

Số: 46/2017/NQ-HĐND

Hải Dương, ngày 13 tháng 12 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

**Về kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước
năm 2018 của tỉnh Hải Dương**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020; Quyết định số 1916/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2017;

Xét Báo cáo số 169/BC-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh về tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2017 và kế hoạch đầu tư công năm 2018; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2018 của tỉnh Hải Dương với các nội dung chính như sau:

1. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018

a) Kế hoạch đầu tư công năm 2018 phải thực hiện theo các quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước; các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Hải Dương giai đoạn 2016-2020.

b) Xác định rõ mục tiêu, thứ tự ưu tiên trong kế hoạch đầu tư công năm 2018 phù hợp khả năng cân đối các nguồn vốn đầu tư năm 2018. Kế hoạch phải được xây dựng theo hướng tập trung, khắc phục dần trải và nâng cao hiệu quả đầu tư; vốn bố trí cho từng dự án phải phù hợp với khả năng thực hiện và tiến độ giải ngân trong năm 2018.

c) Danh mục dự án bố trí vốn năm 2018 phải thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 đã được các cấp có thẩm quyền quyết định và vốn bố trí theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Bố trí vốn cho dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn, trong đó bố trí đủ vốn thanh toán nợ đọng XDCB cho dự án đã quyết toán vốn đầu tư.

- Ưu tiên bố trí vốn hỗ trợ đầu tư các dự án thuộc các Đề án theo Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp và vốn đầu tư cho các công trình trọng điểm theo Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XVI; các dự án vốn Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức hợp tác công tư; vốn đối ứng dự án sử dụng vốn ODA.

- Hỗ trợ vốn đầu tư cho các dự án của các xã khó khăn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo chủ trương của Tỉnh ủy.

- Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2018 và dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018 theo tiến độ được duyệt.

- Đối với dự án khởi công mới phải lựa chọn những dự án thực sự cấp bách, cần thiết nhất và giải quyết những vấn đề bức xúc của ngành, lĩnh vực và đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- + Đã xác định rõ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn ở từng cấp ngân sách;

- + Đến ngày 31/10/2017 đã có quyết định đầu tư dự án.

- + Mức vốn bố trí bảo đảm hoàn thành dự án nhóm B có tổng mức đầu tư dưới 800 tỷ đồng không quá 5 năm; dự án nhóm C không quá 3 năm.

d) Không bố trí vốn đầu tư công cho các dự án không thực hiện trình tự lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

2. Phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2018

Tổng vốn đầu tư công nguồn trong cân đối ngân sách địa phương năm 2018 là 1.479 tỷ 630 triệu đồng, bao gồm: vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức là 649 tỷ 630 triệu đồng; vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất là 800 tỷ

đồng và vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết là 30 tỷ đồng, được phân bổ về các cấp ngân sách như sau:

a) Ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã:

Tổng số là 819 tỷ 363,9 triệu đồng, bao gồm: vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức phân bổ về ngân sách cấp huyện là 260 tỷ 133,9 triệu đồng; thu sử dụng đất phân bổ về ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã là 559 tỷ 230 triệu đồng.

b) Ngân sách tỉnh:

Tổng số là 660 tỷ 266,1 triệu đồng, bao gồm: vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức là 389 tỷ 496,1 triệu đồng; thu sử dụng đất là 240 tỷ 770 triệu đồng; thu xổ số kiến thiết là 30 tỷ đồng. Phân bổ chi tiết như sau:

- Chuẩn bị đầu tư: 03 tỷ đồng
- Đối ứng dự án PPP: 01 tỷ đồng
- Hỗ trợ đầu tư thực hiện Đề án Phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2016-2020: 35 tỷ đồng
- Hỗ trợ đầu tư cho các dự án của các xã khó khăn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 72 tỷ đồng
- Thực hiện đầu tư dự án: 549 tỷ 266,1 triệu đồng

Bao gồm:

- + 17 dự án đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng từ năm 2017 về trước: 23 tỷ 219,0 triệu đồng
- + 19 dự án đầu tư chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2018: 49 tỷ 800,0 triệu đồng
- + 25 dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018: 257 tỷ 647,1 triệu đồng
- + 20 dự án khởi công mới: 218 tỷ 600,0 triệu đồng

(Chi tiết về tổng vốn đầu tư công nguồn trong cân đối ngân sách địa phương năm 2018 có Phụ lục 01 và vốn ngân sách tỉnh phân bổ chi tiết cho các chương trình, dự án có Phụ lục 02 kèm theo)

Điều 2. Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2018 cho các địa phương, đơn vị theo quy định của pháp luật về đầu tư công và chỉ đạo các địa phương, đơn vị liên quan thực hiện tốt một số nội dung sau:

1. Các Sở, ngành, địa phương và các chủ đầu tư khẩn trương triển khai thực hiện và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tập trung thực hiện đầu tư dự án, giải ngân kế hoạch vốn năm 2018 theo quy định của pháp luật hiện hành và theo chỉ đạo của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công năm 2018. Trong đó tập trung thực hiện:

a) Đối với dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng từ năm 2017 trở về trước: Khẩn trương nghiệm thu quyết toán A-B, hoàn tất thủ tục trình phê duyệt quyết toán vốn đầu tư và giải ngân hết số vốn kế hoạch năm 2018 đã giao cho dự án trong quý I năm 2018.

b) Đối với dự án chuyển tiếp: Tiếp tục triển khai đầu tư ngay từ đầu năm 2018 và khẩn trương nghiệm thu khối lượng hoàn thành, giải ngân vốn đầu tư và bảo đảm không phát sinh nợ khối lượng XDCCB trong năm 2018.

c) Đối với dự án khởi công mới: Tập trung triển khai hoàn tất các thủ tục đầu tư, lựa chọn nhà thầu để khởi công dự án trong quý II năm 2018. Trong quá trình thực hiện đầu tư, phải sớm nghiệm thu khối lượng hoàn thành để giải ngân hết số vốn kế hoạch năm 2018 và bảo đảm khối lượng thực hiện trong năm 2018 không vượt kế hoạch vốn giao.

d) Quan tâm chỉ đạo, thực hiện việc bồi thường giải phóng mặt bằng và chủ động tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bảo đảm tiến độ thi công công trình.

đ) Chủ động rà soát, kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền điều chuyển kế hoạch vốn năm 2018 của các dự án có tiến độ đầu tư chậm và dự án đã có khối lượng hoàn thành nhưng chậm làm thủ tục giải ngân sang các dự khác.

2. Đối với dự án có khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện đầu tư, giải ngân kế hoạch vốn năm 2018: Chủ động và kịp thời báo cáo, kiến nghị, đề xuất với cơ quan có thẩm quyền giải pháp thực hiện để hoàn thành kế hoạch đầu tư công năm 2018.

3. Tăng cường công tác quản lý đầu tư, tập trung hướng dẫn, đôn đốc các chủ đầu tư trong quá trình lập thủ tục đầu tư, lựa chọn nhà thầu và triển khai thực hiện dự án; thực hiện công tác kiểm tra, giám sát đầu tư theo đúng quy định của pháp luật.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện tập trung triển khai thực hiện và chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 và tổ chức đầu tư các dự án theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư công, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp. Đồng thời, tăng cường chỉ đạo và giám sát cấp xã tiếp tục rà soát, thực hiện giãn, hoãn tiến độ đầu tư và điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 của một số dự án chưa thực sự cấp bách để bố trí đủ vốn thanh toán nợ khối lượng XDCCB.

5. Tiếp tục xây dựng và công bố danh mục dự án kêu gọi đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

6. Tiếp tục quản lý và khai thác tốt các nguồn thu; đẩy mạnh việc xử lý đất dôi dư, xen kẹt và đấu giá quyền sử dụng đất để có nguồn vốn đầu tư hoàn thành kế hoạch năm 2018 và đầu tư cho các công trình xây dựng nông thôn mới, xử lý nợ đọng XDCB. Tập trung xử lý dứt điểm nguồn thu tiền sử dụng đất còn nợ đọng từ trước năm 2017. Phân đấu tăng thu ngân sách để bổ sung cho chi đầu tư phát triển.

7. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm các vi phạm trong đầu tư.

8. Chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác đầu tư, nhất là cán bộ trực tiếp thẩm định dự án và đội ngũ cán bộ làm công tác tư vấn đầu tư.

9. Đối với các công trình trọng điểm của tỉnh:

a) Dự án đường trục Bắc - Nam:

- Đối với đoạn Km9+400-Km18+224 (từ nút giao đường 392 đến cầu Hiệp) đang thi công dở dang: Tập trung bố trí vốn đầu tư công và các nguồn vốn ngân sách khác để thi công hoàn thành trong năm 2019.

- Đối với đoạn Km0 - Km9+400 (từ nút giao đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng đến đường 392): Đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

- Đoạn tuyến phía Bắc (nối Quốc lộ 18 với Quốc lộ 5, dài 15,6km):

+ Đoạn tuyến từ Quốc lộ 18 đến cầu Triều (bao gồm cả cầu Triều): Phối hợp với tỉnh Quảng Ninh để đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác.

+ Đoạn tuyến từ đường 389 đến Quốc lộ 5: Đầu tư bằng vốn ODA.

b) Dự án “Trung tâm văn hóa xứ Đông”:

Tập trung hoàn thiện các thủ tục để triển khai đầu tư trong năm 2018 và hoàn thành trong quý II năm 2020.

Điều chỉnh danh mục và kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2016-2020 đã giao cho dự án “Trung tâm hội nghị tỉnh Hải Dương” là 10 tỷ đồng (vốn trong cân đối ngân sách địa phương) sang dự án “Trung tâm văn hóa xứ Đông”.

Vốn đầu tư dự án “Trung tâm văn hóa xứ Đông”: Từ nguồn thu sử dụng đất của dự án Khu đô thị sinh thái ven sông Thái Bình (Ecorivers) và các dự án khác.

10. Chấp thuận chủ trương vay vốn ODA để triển khai thực hiện các dự án: Phát triển giao thông đô thị thành phố Hải Dương; Phát triển các đô thị loại vừa - thành phố Hải Dương; Xây dựng công trình đường trục Bắc - Nam, tỉnh Hải

Dương, đoạn tuyến phía Bắc từ đường 389 đến Quốc lộ 5; dự án xây dựng Bệnh viện Phụ sản Hải Dương (*Chi tiết theo Phụ lục số 03, 04 kèm theo*).

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân thành phố Hải Dương xây dựng phương án quản lý sử dụng nguồn vốn vay hiệu quả, tiết kiệm theo đúng quy định của Luật Đầu tư công; có kế hoạch phân kỳ trả nợ và thứ tự ưu tiên thực hiện của từng dự án theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương khóa XVI, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 12 năm 2017. *SA*

Nơi nhận:

- Ủy ban TV Quốc hội;
 - Thủ tướng Chính phủ;
 - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
 - Bộ Tài chính;
 - Cục Kiểm tra VB - Bộ Tư pháp;
 - Ban Công tác đại biểu;
 - Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
 - TT HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
 - Đoàn ĐBQH tỉnh;
 - Các đại biểu HĐND tỉnh;
 - Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
 - VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
 - Lãnh đạo và CV Văn phòng HĐND tỉnh;
 - Thường trực HĐND và UBND các huyện, TX, TP;
 - Báo Hải Dương, Công báo tỉnh;
 - Lưu VT.
- } (để báo cáo)

CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Hiên


TỔNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN TRONG CÂN ĐỐI NSDP NĂM 2018
(Kèm theo Nghị quyết số 46/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh)
Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Kế hoạch năm 2018
	TỔNG SỐ	1.479.630,0
	- Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	649.630,0
	- Nguồn thu sử dụng đất	800.000,0
	- Thu xổ số kiến thiết	30.000,0
	Phương án phân bổ:	1.479.630,0
A	Dành 5% tổng vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	32.481,5
B	Vốn phân bổ về ngân sách các cấp	1.447.148,5
B.1	Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức	617.148,5
I	Phân bổ cho 9 huyện	67.895,3
1	Huyện Nam Sách	6.065,5
2	Huyện Kim Thành	6.482,7
3	Huyện Thanh Hà	6.775,1
4	Huyện Tứ Kỳ	7.947,9
5	Huyện Gia Lộc	7.341,6
6	Huyện Thanh Miện	9.124,8
7	Huyện Ninh Giang	8.133,0
8	Huyện Bình Giang	9.763,9
9	Huyện Cẩm Giàng	6.260,8
II	Phân bổ theo cơ chế đặc thù về tài chính	549.253,2
II.1	Phân bổ cho TPHD, thị xã Chí Linh và huyện Kinh Môn	192.238,6
1	Thị xã Chí Linh	54.925,3
2	Huyện Kinh Môn	54.925,3
3	Thành phố Hải Dương	82.388,0
II.2	Vốn ngân sách tỉnh	357.014,6
B.2	Nguồn thu sử dụng đất	800.000,0
I	Vốn ngân sách tỉnh	240.770,0
II	Vốn ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã	559.230,0

CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2018

(Kèm theo Nghị quyết số 46/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh Hải Dương)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2016-2020		Kế hoạch vốn trong cán đối ngân sách địa phương năm 2018			
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó, vốn đã giao đến hết năm 2017	Tổng số	Bao gồm		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Nguyên cân đối theo tiêu chí, định mức	Nguyên thu sử dụng đất	Nguyên thu xổ số kiến thiết
	TỔNG SỐ			6.966.597,3	4.667.585,6	1.943.526,3	650.275,0	660.266,1	389.496,1	240.770,0	30.000,0
A	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ					20.000,0	10.400,0	3.000,0	3.000,0		
B	ĐỐI ỨNG DỰ ÁN PPP					5.000,0	3.000,0	1.000,0	1.000,0		
C	THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ			159.000,0	119.000,0	110.000,0		107.000,0	50.000,0	57.000,0	
1	Đề án Phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2016-2020 ⁽¹⁾			159.000,0	119.000,0	60.000,0		35.000,0		35.000,0	
1	Huyện Thanh Hà							5.000,0		5.000,0	
2	Huyện Gia Lộc							2.000,0		2.000,0	
3	Huyện Tứ Kỳ							5.000,0		5.000,0	
4	Huyện Cẩm Giàng							7.000,0		7.000,0	
5	Huyện Bình Giang							6.000,0		6.000,0	
6	Huyện Thanh Miện							6.000,0		6.000,0	
7	Thành phố Hải Dương							4.000,0		4.000,0	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ⁽¹⁾					50.000,0		72.000,0	50.000,0	22.000,0	
1	Huyện Thanh Hà							8.000,0	8.000,0		
2	Huyện Cẩm Giàng							8.000,0	8.000,0		
3	Huyện Gia Lộc							8.000,0	8.000,0		
4	Huyện Ninh Giang							8.000,0	8.000,0		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2016-2020		Kế hoạch vốn trong cân đối ngân sách địa phương năm 2018			
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó, vốn đã giao đến hết năm 2017	Tổng số	Bao gồm		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Nguyên cân đối theo tiêu chí, định mức	Nguyên thu từ thuế đất	Nguyên thu xổ số kiến thiết
5	Huyện Bình Giang						8.000,0	8.000,0			
6	Huyện Từ Kỳ						8.000,0	8.000,0			
7	Huyện Thanh Miện						8.000,0	2.000,0	6.000,0		
8	Huyện Kim Thành						8.000,0		8.000,0		
9	Huyện Nam Sách						8.000,0		8.000,0		
D	THỰC HIỆN DỰ ÁN			6.807.597,3	4.548.585,6	1.808.526,3	636.875,0	549.266,1	335.496,1	183.770,0	30.000,0
I	Lĩnh vực Giao thông - Công nghiệp			2.222.421,6	1.775.512,6	340.386,6	119.000,0	101.555,2	36.555,2	65.000,0	
(1)	Dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2017										
(2)	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2018			201.955,8	201.955,8	48.477,6	41.000,0	6.100,0	6.100,0		
a	Dự án nhóm A										
b	Dự án nhóm B			162.716,8	162.716,8	36.651,5	32.000,0	3.800,0	3.800,0		
1	Đường gom ven Quốc lộ 5 (Km45-Km59)	TPHD và Cẩm Giàng	3383; 16/3/2002	106.989,5	106.989,5	7.851,5	7.000,0	800,0	800,0		
2	Cải tạo, nâng cấp đường huyện 194B, huyện Cẩm Giàng (đoạn từ Quốc lộ 5 đến cảng Tiên Kiêu)	Cẩm Giàng	1004; 24/4/2015	55.727,3	55.727,3	28.800,0	25.000,0	3.000,0	3.000,0		
c	Dự án nhóm C			39.239,0	39.239,0	11.826,1	9.000,0	2.300,0	2.300,0		
1	Đường tránh thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành (Hạng mục: cầu An Thái)	Kim Thành	4508, 25/12/2009; 1826, 19/8/2013	24.056,0	24.056,0	6.842,4	5.000,0	1.500,0	1.500,0		
2	Đường 392B (Km10+478-Km11+542)	Thanh Miện	542, 01/3/2011; 3241, 31/12/2013	15.183,0	15.183,0	4.983,7	4.000,0	800,0	800,0		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2016-2020		Kế hoạch vốn trong cân đối ngân sách địa phương năm 2018				
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó, vốn đã giao đến hết năm 2017	Tổng số	Bao gồm			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Nguyên cân đối theo tiêu chức, định mức	Nguyên thu sử dụng đất	Nguyên thu xổ số kiến thiết	
(3)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018			1.887.656,8	1.537.656,8	256.409,0	78.000,0	77.455,2	22.455,2	55.000,0		
a	Dự án nhóm A											
b	Dự án nhóm B			1.859.482,2	1.509.482,2	231.052,0	76.000,0	65.455,2	10.455,2	55.000,0		
1	Đường trục Bắc-Nam, tỉnh Hải Dương đoạn tuyến phía Nam, từ nút giao đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng đến cầu Hiệp (giai đoạn I)	Huyện Gia Lộc và Ninh Giang	1004; 29/3/2017	1.407.966,8	1.057.966,8	100.000,0	26.000,0	10.000,0	10.000,0			
2	Đường gom và đường ống cấp nước KCN Cẩm Điền - Lương Điền	Cẩm Giang, Bình Giang	3412; 25/9/2009	94.380,0	94.380,0	1.052,0		455,2	455,2			
3	Đường 62m kéo dài đoạn từ Khu đô thị mới phía Tây thành TP Hải Dương đi huyện Gia Lộc: Đoạn tuyến bổ sung nối đường 62m kéo dài đến nút giao đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng (giai đoạn I)	Gia Lộc	2359; 26/8/2016	357.135,4	357.135,4	130.000,0	50.000,0	55.000,0		55.000,0		
c	Dự án nhóm C			28.174,6	28.174,6	25.357,0	2.000,0	12.000,0	12.000,0			
1	Xây dựng cầu giao thông nông thôn sử dụng vật tư thu hồi từ dự án nâng cao an toàn cầu đường sắt trên tuyến đường sắt Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh	CG, TM, NG, TK, TH, KT, KM,	3075, 28/10/2016	28.174,6	28.174,6	25.357,0	2.000,0	12.000,0	12.000,0			
(4)	Dự án khởi công mới năm 2018			132.809,0	35.900,0	35.500,0		18.000,0	8.000,0	10.000,0		
a	Dự án nhóm A											
b	Dự án nhóm B			100.400,0	20.400,0	20.000,0		10.000,0		10.000,0		
1	Cải tạo, nâng cấp đường 389B (Km0 - Km12) đoạn từ cầu An Lưu 2 đến đường 389	Kinh Môn	3325; 31/10/2017	100.400,0	20.400,0	20.000,0		10.000,0		10.000,0		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSĐP 5 năm 2016-2020		Kế hoạch vốn trong cân đối ngân sách địa phương năm 2018				
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó, vốn đã giao đến hết năm 2017	Tổng số	Bao gồm			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP				Nguyên cân đối theo tiêu chí, định mức	Nguyên thu sử dụng đất	Nguyên thu xổ số kiến thiết	
c	Dự án nhóm C			32.409,0	13.500,0	15.500,0		8.000,0	8.000,0			
1	Cải tạo, nâng cấp đường huyện Cao Thăng - Tiên phong đoạn từ Km5+000 đến Km8+800, huyện Thanh Miện	Thanh Miện	3324; 31/10/2017	14.881,0	7.000,0	7.000,0		5.000,0	5.000,0			
2	Cải tạo, nâng cấp đường vào khu tương niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại xã Nam Chính, huyện Nam Sách	Nam Sách	1439; 09/5/2017	17.528,1	8.500,0	8.500,0		3.000,0	3.000,0			
II	Lĩnh vực Nông nghiệp - Thủy lợi			1.986.171,7	809.539,5	585.328,3	214.846,1	121.412,9	110.808,4	10.604,5		
(1)	Dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2017			4.476,9	4.476,9	2.042,5	1.441,6	221,1	221,1			
a	Dự án nhóm A											
b	Dự án nhóm B											
c	Dự án nhóm C			4.476,9	4.476,9	2.042,5	1.441,6	221,1	221,1			
1	Kè và nạo vét kênh Nguyễn Thiệp Thuật, thành phố Hải Dương	TPHD	2624; 23/10/2014;	4.476,9	4.476,9	2.042,5	1.441,6	221,1	221,1			
(2)	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2018											
(3)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018			1.585.294,8	740.637,6	522.965,8	212.604,4	106.191,9	95.587,3	10.604,5		
a	Dự án nhóm A											
b	Dự án nhóm B			1.555.315,4	713.538,3	501.376,4	212.604,4	100.191,9	89.587,3	10.604,5		
1	Nâng cấp các tuyến đê tả Thái Bình, huyện Thanh Hà	Thanh Hà	2161; 20/8/2010; 1964; 05/7/2011	375.818,7	32.396,3	31.396,3		6.000,0	6.000,0			
2	Chống sạt lở, tăng cường khả năng chống lũ cho hệ thống đê huyện Kim Thành	Kim Thành	3496; 5/8/2005; 610; 11/3/2010	294.536,9	84.536,9	15.000,0		6.000,0	6.000,0			
3	Nâng cấp các tuyến đê tả sông Múa, hữu sông Văn Úc, huyện Thanh Hà	Thanh Hà	1969; 05/7/2011;	205.987,3	74.405,3	27.418,2	10.000,0	5.000,0	5.000,0			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2016-2020		Kế hoạch vốn trong cân đối ngân sách địa phương năm 2018			
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó, vốn đã giao đến hết năm 2017	Tổng số	Bao gồm		
				Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Nguyên cân đối theo tiêu chí, định mức	Nguyên thu sử dụng đất	Nguyên thu xổ số kiến thiết
4	Xây dựng trạm bơm Đò Hãn, thành phố Hải Dương	TPHD	3301 20/11/2010;	190.406,8	33.634,0	30.270,6		7.000,0	7.000,0		
5	Tu bổ đê, kè, công địa phương giai đoạn 2016-			200.000,0	200.000,0	179.050,0	99.177,0	42.000,0	37.751,9	4.248,1	
6	Tu bổ bờ kênh trực BHH; nạo vét kênh dẫn và cải tạo, nâng cấp một số trạm bơm trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2016-2020	Các huyện và TX Chí Linh	836; 31/3/2016	220.000,0	220.000,0	198.000,0	95.000,0	30.000,0	23.643,5	6.356,5	
7	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp kênh và công trình trên kênh trung thủy nông Bá Nưa-Thuần	Thanh Hà	150, 13/01/2011; 2347, 17/10/2013; 453, 04/02/2016	68.565,7	68.565,7	20.241,3	8.427,5	4.191,9	4.191,9		
c	<i>Dự án nhóm C</i>			29.979,3	27.099,3	21.589,4		6.000,0	6.000,0		
1	Nâng cấp tuyến đê tả sông Kinh Môn (K0+00 đến K3+300), huyện Kinh Môn	Kinh Môn	1161; 04/5/2011	29.979,3	27.099,3	21.589,4		6.000,0	6.000,0		
(4)	<i>Dự án khởi công mới năm 2018</i>			396.400,0	64.425,0	60.320,0	800,0	15.000,0	15.000,0		
a	<i>Dự án nhóm A</i>										
b	<i>Dự án nhóm B</i>			386.400,0	54.425,0	51.400,0	800,0	12.000,0	12.000,0		
1	Chống ngập úng và nuôi trồng thủy sản khu vực Hưng Đạo, thị xã Chí Linh	Chí Linh	4400; 27/10/2016	166.400,0	6.400,0	6.400,0	800,0	1.000,0	1.000,0		
2	Nâng cấp tuyến đê hữu Kinh Thầy, hữu Lai Vũ, thuộc địa bàn huyện Nam Sách và TPHD	Nam Sách và TPHD	3255; 24/10/2017	70.000,0	20.000,0	20.000,0		5.000,0	5.000,0		
3	Xây dựng và cải tạo hệ thống kênh trung thủy nông Cẩm Đông - Phú Xá, huyện Cẩm Giàng	Cẩm Giàng	3337; 31/10/2017	150.000,0	28.025,0	25.000,0		6.000,0	6.000,0		
c	<i>Dự án nhóm C</i>			10.000,0	10.000,0	8.920,0		3.000,0	3.000,0		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2016-2020		Kế hoạch vốn trong cân đối ngân sách địa phương năm 2018			
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó, vốn đã giao đến hết năm 2017	Tổng số	Bao gồm		
				Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Nguyên cân đối theo tiêu chí, định mức	Nguyên thu sử dụng đất	Nguyên thu xổ số kiến thiết
2	Cải tạo 20 ha đất ngoài để nhằm nâng cao hiệu quả canh tác, góp phần ổn định đời sống nhân dân xã Lai Vu, huyện Kim Thành	Kim Thành	3323; 31/10/2017	10.000,0	10.000,0	8.920,0		3.000,0	3.000,0		
III	Lĩnh vực Giáo dục đào tạo và dạy nghề			800.855,3	514.151,4	321.481,9	142.000,0	76.984,1	65.584,1		11.400,0
(1)	Dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2017			144.615,2	141.327,0	58.340,0	45.500,0	14.284,1	12.384,1		1.900,0
a	Dự án nhóm A										
b	Dự án nhóm B			34.320,8	34.320,8	10.386,8	7.000,0	3.760,2	3.760,2		
f	Nhà xưởng thực hành 4 tầng của Trường Cao đẳng Nghề Hải Dương	TPHD	3395, 09/12/2010; 2953, 19/10/2011; 1072, 24/5/2013;	34.320,8	34.320,8	10.386,8	7.000,0	3.760,2	3.760,2		
c	Dự án nhóm C			110.294,4	107.006,1	47.953,1	38.500,0	10.524,0	8.624,0		1.900,0
1	Mở rộng, xây dựng và nâng cấp Trường THPT Kinh Môn II	Kinh Môn	1602, 31/5/2011; 2338, 03/8/2017	41.009,0	39.509,0	8.307,1	8.000,0	3.734,1	3.734,1		
2	Nhà hiệu bộ 2 tầng Trường THCS xã Cổ Dũng, huyện Kim Thành	Kim Thành	3467; 17/6/2014	4.788,2	3.000,0	3.000,0		2.000,0	2.000,0		
3	Nhà đa năng Trường THPT Ninh Giang	Ninh Giang	2812, 30/11/2012; 257, 17/01/2014; 3379, 29/12/2014	14.996,3	14.996,3	8.496,3	7.500,0	419,8	419,8		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2016-2020		Kế hoạch vốn trong cân đối ngân sách địa phương năm 2018			
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó, vốn đã giao đến hết năm 2017	Tổng số	Bao gồm		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Nguồn cân đối theo tiêu chí, định mức	Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn thu xổ số kiến thiết
4	Nhà lớp học 3 tầng 15 phòng của Trường THPT Cẩm Giàng	Cẩm Giàng	2617; 23/10/2014	10.999,3	10.999,3	7.699,3	6.500,0	800,0	800,0		
5	Nhà lớp học 12 phòng và công trình phụ trợ Trường THCS Nguyễn Trãi, phường Bến Tắm, thị xã Chí Linh	Chí Linh	1657; 29/6/2015	12.900,0	12.900,0	5.900,0	5.500,0	400,0			400,0
6	Nhà lớp học 3 tầng 15 phòng, nhà hiệu bộ và một số hạng mục phụ trợ của Trường THPT Thanh Miện, huyện Thanh Miện	Thanh Miện	1630; 26/6/2015	19.877,9	19.877,9	12.877,9	11.000,0	1.500,0			1.500,0
7	Tăng cường kỹ năng nghề (đối ứng ODA)	TPHD		5.723,7	5.723,7	1.672,5		1.670,0	1.670,0		
(2) Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2018				89.331,1	88.427,9	76.685,1	45.500,0	22.700,0	13.200,0		9.500,0
<i>a Dự án nhóm A</i>											
<i>b Dự án nhóm B</i>											
<i>c Dự án nhóm C</i>				89.331,1	88.427,9	76.685,1	45.500,0	22.700,0	13.200,0		9.500,0
1	Xây dựng Nhà làm việc Trường Chính trị tỉnh	TPHD	2557;	34.410,5	34.410,5	30.769,5	20.000,0	8.000,0	8.000,0		
2	Trường mầm non xã Hồng Đức, huyện Ninh Giang	Ninh Giang	2134; 04/8/2016	14.902,2	13.999,0	12.599,1	6.000,0	6.000,0			6.000,0
3	Xây dựng nhà lớp học 3 tầng 12 phòng, Trường THPT Chí Linh, thị xã Chí Linh	Chí Linh	2092; 29/7/2016	8.115,8	8.115,8	7.304,2	5.000,0	1.600,0	1.600,0		
4	Xây dựng nhà lớp học 3 tầng 12 phòng, Trường THPT Hà Đông, huyện Thanh Hà	Thanh Hà	2700; 05/10/2016	11.975,0	11.975,0	8.077,5	4.500,0	2.200,0	2.200,0		
5	Nhà lớp học bộ môn 2 tầng 6 phòng (móng 3 tầng) của Trường THPT Đường An, huyện Bình Giang	Bình Giang	2538; 19/9/2016	7.934,8	7.934,8	7.141,3	5.000,0	1.400,0	1.400,0		
6	Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng của Trường THPT Hà Bắc, huyện Thanh Hà	Thanh Hà	3068; 28/10/2016	11.992,8	11.992,8	10.793,5	5.000,0	3.500,0			3.500,0
(3) Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018				470.576,1	204.313,6	114.382,2	51.000,0	22.000,0	22.000,0		
<i>a Dự án nhóm A</i>											
<i>b Dự án nhóm B</i>				413.762,5	147.500,0	63.250,0	35.000,0	15.000,0	15.000,0		

TT	Tên mục dự án	Địa điểm	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2016-2020		Kế hoạch vốn trong cán đối ngân sách địa phương năm 2018				
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó, vốn đã giao đến hết năm 2017	Tổng số	Bao gồm			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Nguồn cân đối theo tiêu chí, định mức	Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn thu xổ số kiến thiết	
1	Xây dựng Trường Đại học Hải Dương	Gia Lộc	1972, 02/8/2010; 996, 15/4/2011; 1985, 08/7/2011; 3196, 17/12/2014	413.762,5	147.500,0	63.250,0	35.000,0	15.000,0	15.000,0			
c	Dự án nhóm C			56.813,6	56.813,6	51.132,2	16.000,0	7.000,0	7.000,0			
1	Ký túc xá học sinh của Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi	TPHD	1455; 07/6/2016	27.622,9	27.622,9	24.860,6	8.000,0	2.000,0	2.000,0			
2	Mua phương tiện phòng cháy chữa cháy cho các Trường THPT, Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Trung tâm Hướng nghiệp dạy nghề thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hải Dương		3401; 27/10/2016	29.190,7	29.190,7	26.271,6	8.000,0	5.000,0	5.000,0			
(4)	Dự án khởi công mới năm 2018			96.332,9	80.082,9	72.074,6		18.000,0	18.000,0			
a	Dự án nhóm A											
b	Dự án nhóm B											
c	Dự án nhóm C			96.332,9	80.082,9	72.074,6		18.000,0	18.000,0			
1	Trường THPT Nhị Chiểu (địa điểm mới - giai đoạn 1)	Kính Môn	3129; 31/10/2016	41.410,0	25.160,0	22.644,0		5.000,0	5.000,0			
2	Nhà giảng đường, thực hành của Trường Cao đẳng Hải Dương	TPHD	3170; 17/10/2017	44.942,3	44.942,3	40.448,1		10.000,0	10.000,0			
3	Nhà lớp học bộ môn 3 tầng 9 phòng Trường THPT Mạc Đĩnh Chi, huyện Nam Sách	Nam Sách	2160; 24/7/2017	9.980,6	9.980,6	8.982,5		3.000,0	3.000,0			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2016-2020		Kế hoạch vốn trong cân đối ngân sách địa phương năm 2018				
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó, vốn đã giao đến hết năm 2017	Tổng số	Bao gồm			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Nguyên cân đối theo điều chỉ, định mức	Nguyên thu sử dụng đất	Nguyên thu xổ số kiến thiết	
IV	Lĩnh vực Khoa học công nghệ và Điều tra			111.412,3	79.912,3	66.751,0	36.374,6	18.022,9	17.622,9	400,0		
(1)	Dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2017			12.757,0	12.757,0	11.431,3	11.000,0	1.022,9	1.022,9			
	a Dự án nhóm A											
	b Dự án nhóm B											
	c Dự án nhóm C			12.757,0	12.757,0	11.431,3	11.000,0	1.022,9	1.022,9			
1	Nâng cấp công thống tin điện tử, Trung tâm tích hợp dữ liệu và hệ thống thu điện tử công vụ của tỉnh Hải Dương	TPHD	2778a; 31/10/2015	12.757,0	12.757,0	11.431,3	11.000,0	1.022,9	1.022,9			
(2)	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2018			50.655,3	50.655,3	40.469,7	25.374,6	9.000,0	8.600,0	400,0		
	a Dự án nhóm A											
	b Dự án nhóm B											
	c Dự án nhóm C			50.655,3	50.655,3	40.469,7	25.374,6	9.000,0	8.600,0	400,0		
1	Dự án cạnh tranh ngành chăn nuôi và an toàn thực phẩm (LIFSAP) (bao gồm cả khoản vay bổ sung)	Tỉnh HD	2305, 17/8/2009; 1962, 27/5/2015	12.907,7	12.907,7	6.496,9	5.874,6	600,0	600,0			
2	Điều tra, đánh giá thoái hóa đất tỉnh Hải		3090;	3.245,6	3.245,6	2.921,0	2.500,0	400,0		400,0		
3	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Hải Dương, giai đoạn 2016-2020	Tỉnh HD	3126a; 31/10/2016	23.727,0	23.727,0	21.354,3	9.000,0	7.000,0	7.000,0			
4	Nâng cấp, mở rộng ứng dụng hệ thống phần mềm quản lý văn bản và quản lý hồ sơ, công việc tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn	Tỉnh HD	3107; 31/10/2016	10.775,0	10.775,0	9.697,5	8.000,0	1.000,0	1.000,0			
(3)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018											
(4)	Dự án khởi công mới năm 2018			48.000,0	16.500,0	14.850,0		8.000,0	8.000,0			
	a Dự án nhóm A											

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2016-2020		Kế hoạch vốn trong cân đối ngân sách địa phương năm 2018				
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó, vốn đã giao đến hết năm 2017	Tổng số	Bao gồm			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Nguồn cân đối theo tiêu chí, định mức	Nguồn chủ sử dụng đất	Nguồn thu số vốn kiến thiết	
b	Dự án nhóm B			48.000,0	16.500,0	14.850,0		8.000,0	8.000,0			
1	Xây dựng hệ thống trục tích hợp kết nối liên thông các hệ thống thông tin và ứng dụng quản lý, cung cấp dịch vụ công trực tuyến tỉnh Hải Dương	Tỉnh HD	3312; 30/10/2017	48.000,0	16.500,0	14.850,0		8.000,0	8.000,0			
c	Dự án nhóm C											
V	Lĩnh vực Y tế - Xã hội			399.924,9	249.892,2	194.123,5	50.217,3	51.000,0	32.400,0			18.600,0
(1)	Dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2017											
(2)	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2018			49.755,5	39.755,5	27.397,4	16.229,2	7.000,0	4.000,0			3.000,0
a	Dự án nhóm A											
b	Dự án nhóm B											
c	Dự án nhóm C			49.755,5	39.755,5	27.397,4	16.229,2	7.000,0	4.000,0			3.000,0
1	Trung tâm nuôi dưỡng tâm thần Hải Dương	Chi Linh	2536a, 31/10/2013; 2357, 25/8/2016; 764, 10/3/2017	32.901,8	22.901,8	12.229,1	8.729,2	2.000,0	2.000,0			
2	Xây dựng, cải tạo Bệnh viện Đa khoa thị xã Chi Linh	Chi Linh	2789; 07/10/2016	10.613,0	10.613,0	9.551,7	4.500,0	3.000,0				3.000,0
3	Nhà khoa cận lâm sàng và khoa dược của Bệnh viện Đa khoa huyện Gia Lộc	Gia Lộc	3109; 31/10/2016	6.240,7	6.240,7	5.616,6	3.000,0	2.000,0	2.000,0			
(3)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018			283.960,5	143.927,8	105.223,4	33.988,1	24.000,0	23.400,0			600,0
a	Dự án nhóm A											
b	Dự án nhóm B			211.270,1	71.237,3	39.802,0	9.147,4	6.000,0	6.000,0			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2016-2020		Kế hoạch vốn trong cân đối ngân sách địa phương năm 2018			
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó, vốn đã giao đều hết năm 2017	Tổng số	Bao gồm		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Nguồn cân đối theo tiêu chí, định mức	Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn thu xổ số kiến thiết
1	Xây dựng Nhà ở xã hội tại khu dân cư phía Đông Ngõ Quyển, TPHD	TPHD	40; 24/10/2014	156.355,4	43.780,0	34.402,0	6.147,4	5.000,0	5.000,0		
2	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư vùng sạt lở xã Hiệp Cát, huyện Nam Sách	Nam Sách	3484, 15/12/2010; 148, 13/01/2011; 2560, 21/9/2016	54.914,7	27.457,3	5.400,0	3.000,0	1.000,0	1.000,0		
c	Dự án nhóm C			72.690,5	72.690,5	65.421,4	24.840,7	18.000,0	17.400,0		600,0
1	Nhà vật lý trị liệu 3 tầng (móng 7 tầng) của Bệnh viện Điều dưỡng và Phục hồi chức năng	TPHD	1193; 10/5/2016	21.408,8	21.408,8	19.267,9	7.000,0	4.000,0	4.000,0		
2	Nhà khoa truyền nhiễm và tường rào của Bệnh viện Đa khoa huyện Nam Sách	Nam Sách	3067; 28/10/2016	13.157,5	13.157,5	11.841,7	5.000,0	5.000,0	5.000,0		
3	Nhà khoa ngoại, khoa sản và khoa nội của Bệnh viện Đa khoa Cẩm Giàng	Cẩm Giàng	3066; 28/10/2016	18.219,8	18.219,8	16.397,9	6.000,0	5.000,0	5.000,0		
4	Nhà khoa khám bệnh cận lâm sàng, hồi sức cấp cứu, phòng mổ và khoa nhi của Bệnh viện Đa khoa huyện Tứ Kỳ	Tứ Kỳ	3069; 28/10/2016	19.904,4	19.904,4	17.914,0	6.840,7	4.000,0	3.400,0		600,0
(4)	Dự án khởi công mới năm 2018			66.208,9	66.208,9	61.502,7		20.000,0	5.000,0		15.000,0
a	Dự án nhóm A										
b	Dự án nhóm B			21.248,3	21.248,3	21.038,1		15.000,0			15.000,0
1	Nhà xạ trị thuộc Bệnh viện Đa khoa tỉnh ⁽²⁾	TPHD	3486;	21.248,3	21.248,3	21.038,1		15.000,0			15.000,0
c	Dự án nhóm C			44.960,6	44.960,6	40.464,6		5.000,0	5.000,0		
1	Nhà khám bệnh và các khoa cận lâm sàng của Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Hải Dương	TPHD	3070; 09/10/2017	44.960,6	44.960,6	40.464,6		5.000,0	5.000,0		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn NSĐP 5 năm 2016-2020		Kế hoạch vốn trong cân đối ngân sách địa phương năm 2018				
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó, vốn đã giao đến hết năm 2017	Tổng số	Bao gồm		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP				Nguyên cân đối theo tiêu chí, định mức	Nguyên thu sử dụng đất	Nguyên thu xổ số kiến thiết
VI	Lĩnh vực Công cộng, văn hóa thông tin và thể dục thể thao			307.058,6	280.594,9	104.501,1	22.437,0	23.509,8	23.509,8		
(1)	Dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2017			108.257,4	108.257,4	4.804,1	2.200,0	1.509,8	1.509,8		
a	Dự án nhóm A										
b	Dự án nhóm B			92.568,0	92.568,0	385,0		183,9	183,9		
1	Thư viện tổng hợp tỉnh Hải Dương	TPHD	5791, 12/8/2005; 843, 04/3/2009	92.568,0	92.568,0	385,0		183,9	183,9		
c	Dự án nhóm C			15.689,4	15.689,4	4.419,1	2.200,0	1.325,9	1.325,9		
1	Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại xã Nam Chính, huyện Nam Sách	Nam Sách	1336; 26/5/2010	11.986,0	11.986,0	3.086,0	1.000,0	1.000,0	1.000,0		
2	Cải tạo sân đường, công, bằng rào và công trình phụ trợ của Bảo tàng tỉnh Hải Dương	TPHD	1745; 29/6/2016	3.703,4	3.703,4	1.333,1	1.200,0	325,9	325,9		
(2)	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2018			22.863,7	19.400,0	9.960,0	6.000,0	3.000,0	3.000,0		
a	Dự án nhóm A										
b	Dự án nhóm B										
c	Dự án nhóm C			22.863,7	19.400,0	9.960,0	6.000,0	3.000,0	3.000,0		
1	Cải tạo, nâng cấp khu rừng dài Bắc Hồ tại xã Hiệp Lực, huyện Ninh Giang	Ninh Giang	3279; 25/12/2014	22.863,7	19.400,0	9.960,0	6.000,0	3.000,0	3.000,0		
(3)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018			115.959,3	92.959,3	35.737,0	14.237,0	6.000,0	6.000,0		
a	Dự án nhóm A										
b	Dự án nhóm B			45.459,3	22.459,3	20.000,0	10.000,0	3.000,0	3.000,0		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2016-2020		Kế hoạch vốn trong cân đối ngân sách địa phương năm 2018			
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó, vốn đã giao đến hết năm 2017	Tổng số	Bao gồm		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Nguồn cân đối theo tiêu chỉ, định mức	Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn thu xổ số kiến thiết
I	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu du lịch và bảo tồn sinh thái Đảo Cỏ, xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện	Thanh Miện	3204; 07/11/2016	45,459.3	22,459.3	20,000.0	10,000.0	3,000.0	3,000.0		
c	<i>Dự án nhóm C</i>			70,500.0	70,500.0	15,737.0	4,237.0	3,000.0	3,000.0		
I	Hỗ trợ xây dựng hạ tầng chợ (thực hiện theo QĐ số 14 ngày 31/7/2013 của UBND tỉnh)	Tỉnh HD		70,500.0	70,500.0	15,737.0	4,237.0	3,000.0	3,000.0		
	<i>Bao gồm:</i>										
1.1	Xây dựng chợ Mông xã Phúc Thành, huyện Kinh Môn			15,984.1	3,000.0	2,237.0	737.0	1,500.0	1,500.0		
1.2	Hỗ trợ xây dựng hạ tầng chợ cho các đơn vị khác							1,500.0	1,500.0		
(4)	<i>Dự án khởi công mới năm 2018</i>			59,978.2	59,978.2	54,000.0		13,000.0	13,000.0		
a	<i>Dự án nhóm A</i>										
b	<i>Dự án nhóm B</i>			59,978.2	59,978.2	54,000.0		13,000.0	13,000.0		
I	Hạ tầng du lịch sinh thái sông Hương, huyện Thanh Hà	Thanh Hà	3311; 30/10/2017	59,978.2	59,978.2	54,000.0		13,000.0	13,000.0		
c	<i>Dự án nhóm C</i>										
VII	Lĩnh vực Cấp thoát nước và bảo vệ MT			170,704.5	90,810.4	73,060.6	23,000.0	18,710.8	18,710.8		
(1)	Dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2017			31,175.5	25,790.5	14,731.4	8,000.0	3,110.8	3,110.8		
a	<i>Dự án nhóm A</i>										
b	<i>Dự án nhóm B</i>			22,200.0	22,200.0	11,500.0	6,000.0	2,000.0	2,000.0		
I	Tiểu dự án cấp nước và vệ sinh 4 thị trấn: Giá Lộc, Thanh Hà, Thanh Miện, Minh Tân (Hỗ trợ lãi suất sau đầu tư)		4244; 19/11/2008	22,200.0	22,200.0	11,500.0	6,000.0	2,000.0	2,000.0		
c	<i>Dự án nhóm C</i>			8,975.5	3,590.5	3,231.4	2,000.0	1,110.8	1,110.8		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSĐP 5 năm 2016-2020		Kế hoạch vốn trong cân đối ngân sách địa phương năm 2018			
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó, vốn đã giao đến hết năm 2017	Tổng số	Bao gồm		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP				Nguồn cân đối theo tiêu chí, định mức	Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn thu xổ số kiến thiết
1	Hệ thống cấp nước sạch xã An Đức, huyện Ninh Giang	Ninh Giang	2943; 17/11/2015	8.975,5	3.590,5	3.231,4	2.000,0	1.110,8	1.110,8		
(2)	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2018			16.259,0	8.129,5	7.316,6	5.000,0	2.000,0	2.000,0		
a	Dự án nhóm A										
b	Dự án nhóm B										
c	Dự án nhóm C			16.259,0	8.129,5	7.316,6	5.000,0	2.000,0	2.000,0		
1	Hệ thống thoát nước đường Nguyễn Lương Bằng, TPHD	TPHD		16.259,0	8.129,5	7.316,6	5.000,0	2.000,0	2.000,0		
(3)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018			70.970,6	35.970,6	31.500,0	10.000,0	7.000,0	7.000,0		
a	Dự án nhóm A										
b	Dự án nhóm B			70.970,6	35.970,6	31.500,0	10.000,0	7.000,0	7.000,0		
1	Nạo vét, mở rộng kênh T2 và xây dựng trạm bơm Bình Lâu, thành phố Hải Dương	TPHD	3865; 23/12/2016	70.970,6	35.970,6	31.500,0	10.000,0	7.000,0	7.000,0		
c	Dự án nhóm C										
(4)	Dự án khởi công mới năm 2018			52.299,4	20.919,8	19.512,6		6.600,0	6.600,0		
a	Dự án nhóm A										
b	Dự án nhóm B										
c	Dự án nhóm C			52.299,4	20.919,8	19.512,6		6.600,0	6.600,0		
1	Trạm bơm tăng áp phường Hoàng Tân cấp nước sạch cho các phường, xã khu vực Đông Bắc thị xã Chí Linh	Chí Linh	2542; 18/8/2017	14.972,0	5.988,8	5.392,0		1.800,0	1.800,0		
2	Trạm bơm tăng áp xã Kim Giang cấp nước sạch cho Khu công nghiệp Lương Điền, các xã nông thôn huyện Cẩm Giang và khu vực lân	Cẩm Giang	3856; 22/12/2016	15.863,9	6.345,6	5.711,0		2.000,0	2.000,0		
3	Hệ thống cấp nước sạch phường Bến Tằm, thị xã Chí Linh	Chí Linh	1294; 27/4/2014	10.423,4	4.169,4	3.967,0		1.300,0	1.300,0		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSĐP 5 năm 2016-2020		Kế hoạch vốn trong cân đối ngân sách địa phương năm 2018			
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó, vốn đã giao đến hết năm 2017	Tổng số	Bao gồm		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP				Nguồn cân đối theo tiêu chí, định mức	Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn thu xổ số kiến thiết
<i>b</i>	<i>Dự án nhóm B</i>			88.409,2	88.409,2	79.568,2	27.000,0	15.000,0	7.234,5	7.765,5	
<i>l</i>	Số Chỉ huy cơ bản/Cần cứ chiến đấu 1 tỉnh Hải Dương		3106; 31/10/2016	88.409,2	88.409,2	79.568,2	27.000,0	15.000,0	7.234,5	7.765,5	
<i>c</i>	<i>Dự án nhóm C</i>										
<i>(4)</i>	<i>Dự án khởi công mới năm 2018</i>			110.875,9	50.000,0	30.000,0		20.000,0	20.000,0		
<i>a</i>	<i>Dự án nhóm A</i>										
<i>b</i>	<i>Dự án nhóm B</i>			110.875,9	50.000,0	30.000,0		20.000,0	20.000,0		
<i>l</i>	Trụ sở làm việc Công an tỉnh Hải Dương	TPHD	77; 21/4/2017	110.875,9	50.000,0	30.000,0		20.000,0	20.000,0		
<i>c</i>	<i>Dự án nhóm C</i>										

Chú:

⁽¹⁾ Ủy quyền cho UBND huyện phân bổ chi tiết cho các dự án theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước hiện hành và danh sách các xã khó khăn (chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới) đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy thống nhất hỗ trợ đầu tư năm 2018 theo báo cáo số 165-BC/BCS ngày 06/12/2017 của Ban chấp hành Đảng UBND tỉnh.

⁽²⁾ Điều chỉnh danh mục và kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 đã giao cho dự án "Nhà khám bệnh kỹ thuật cao của Bệnh viện Đa khoa tỉnh" sang dự án "Nhà xạ trị thuộc Bệnh viện Đa khoa tỉnh" và cuối kỳ kế hoạch 2016-2020 sẽ điều chỉnh cho phù hợp với thực tế về vốn, nguồn vốn đã giao cho dự án.

⁽³⁾ Điều chỉnh danh mục và kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 đã giao cho dự án "Trung tâm hội nghị tỉnh Hải Dương" sang dự án "Trung tâm văn hóa xứ đông"; vốn đầu tư cho dự án từ nguồn thu tiền sử dụng đất dự án Khu đô thị sinh thái ven sông Thái Bình (Ecorivers) và các dự án khác đã đầu tư hoàn thành trong năm 2020. Cuối kỳ kế hoạch 2016-2020 sẽ điều chỉnh cho phù hợp với thực tế về vốn, nguồn vốn đã giao cho dự án.

* Riêng dự án đã phê duyệt quyết toán vốn đầu tư, vốn kế hoạch trung hạn 2016-2020 đã giao thấp hơn số nợ đọng XDCCB thực tế đã quyết toán, năm 2018 bố trí đủ vốn để thanh toán dứt điểm nợ đọng XDCCB và cuối kỳ kế hoạch 2016-2020 sẽ điều chỉnh cho phù hợp với thực tế về vốn, nguồn vốn đã giao cho dự án.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

DANH MỤC ĐẦU TƯ
DỰ ÁN PHÁT TRIỂN GIAO THÔNG ĐÔ THỊ - THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG
(Kèm theo Nghị quyết số 46/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh)

1USD = 22,760

TT ƯU TIÊN	Hạng mục	GIÁ TRỊ KHÁI TOÁN (VNĐ)		GIÁ TRỊ KHÁI TOÁN (USD)	
		IBRD	Đối ứng	IBRD	Đối ứng
I	Chi phí xây dựng	641,954,972,500	0	28,205,403	0
1	Xây dựng đường phố Vạn phường Việt Hòa	90,904,472,500		3,994,045	
2	Xây dựng đường 62m kéo dài	143,871,000,000		6,321,221	
3	Xây dựng đường trục kết nối Thượng Đạt - An Châu	307,352,500,000		13,504,064	
4	Xây dựng đường trục phường Ái Quốc	99,827,000,000		4,386,072	
II	Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư		141,124,824,104		6,200,563
III	Chi phí tư vấn		134,810,544,224	0	5,923,135
IV	Thuế VAT:10% không bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng	0	77,676,551,672	0	3,412,854
V	Dự phòng phí 10%	64,195,497,250	35,361,192,000	2,820,540	1,553,655
	Tổng chi phí đầu tư (V+VI)	706,150,469,750	388,973,112,000	31,025,943	17,090,207
			1,095,123,581,750		48,116,150
	Tỷ trọng	64	36	64	36

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

DANH MỤC ĐẦU TƯ
DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CÁC ĐÔ THỊ LOẠI VỪA - THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG
(Kèm theo Nghị quyết số 46/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh)

1 USD = 22,500

TT	Hạng mục	Thành tiền (VND)		Thành tiền (USD)	
		IBRD	Đối ứng	IBRD	Đối ứng
1	Hợp phần 1: Cải thiện hạ tầng đô thị	1,426,572,931,558	66,084,554,081	63,403,241	2,937,091
1.1	Chi phí xây lắp và thiết bị	1,092,159,234,692	-	36,527,077	-
1	Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật	117,500,000,000	-	5,222,222	-
1.1	Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật đường Nguyễn Lương Bằng	56,000,000,000	-	2,488,889	-
1.2	Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật đường Thanh Bình	61,500,000,000	-	2,733,333	-
2	Cải thiện điều kiện thoát nước mưa và chống ngập úng	270,300,000,000	-	12,013,333	-
2.1	Kê kênh T1 và xây dựng trạm bơm Lô Cương	80,600,000,000	-	3,582,222	-
2.2	Xây dựng hệ thống thoát nước phía Bắc đường sắt, hệ thống trạm bơm cường bức và cải tạo hệ thống cống qua Quốc lộ 5	43,700,000,000	-	1,942,222	-
2.3	Xây dựng hồ Nghè (F=2,4ha), cải tạo cống trên đường Phan Đình Phùng và cải tạo hệ thống mương dẫn nước phía Bắc đường sắt về trạm bơm Bình Hàn và hồ điều hòa Nghè	63,000,000,000	-	2,800,000	-
2.4	Kê hai bên sông Bạch Đằng đoạn từ cầu Tam Giang đến Ấu thuyền	83,000,000,000	-	3,688,889	-
3	Cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường	704,359,234,692	-	31,304,855	-
3.1	Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải tại khu vực phía Tây thành phố với công suất 12.000 m ³ /ngày các công việc bao gồm: đường ống thu gom nước thải D300-600 chiều dài L=120km, xây dựng 24 trạm bơm nước thải công suất Q=600m ³ /ngày đến 12.000m ³ /ngày, xây dựng trạm xử lý nước thải công suất Q=12.000 m ³ /ngày	704,359,234,692	-	31,304,855	-
1.2	Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư	-	65,529,554,081	-	2,912,425
1.3	Chi phí rò rỉ bơm mìn	-	500,000,000	-	22,222,22

TT	Hạng mục	Thành tiền (VND)		Thành tiền (USD)	
		IBRD	Đối ứng	IBRD	Đối ứng
1.4	Chi phí tư vấn	86,826,659,158	-	3,858,963	-
4.1	Chi phí thiết kế chi tiết, khảo sát xây dựng, tư vấn đấu thầu (cho 70% các hạng mục hợp phần 1)	26,757,901,250	-	1,189,240	-
4.2	Chi phí tư vấn giám sát thi công các hạng mục của hợp phần 1	49,147,165,561	-	2,184,318	-
4.3	Chi phí tư vấn giám sát độc lập môi trường tại định cư các hạng mục của hợp phần 1	5,460,796,173	-	242,702	-
4.4	Chi phí kiểm toán độc lập của hợp phần 1	5,460,796,173	-	242,702	-
1.5	Thuế VAT: 10% không bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng	117,898,589,385	50,000,000	5,239,937	2,222,22
1.6	Dự phòng phí 10%	129,688,448,323	5,000,000	5,763,931	222,22
	Tổng cộng Hợp phần 1	1,426,572,931,558	66,084,554,081	63,403,241	2,937,091
11	Hợp phần 2: Hỗ trợ kỹ thuật và hỗ trợ thực hiện	-	133,499,875,137	-	5,933,328
11.1	<i>Tư vấn chuẩn bị dự án</i>		<i>27,303,980,867</i>		<i>1,213,510</i>
1	Bao gồm: Đề xuất dự án, đề xuất chủ trương đầu tư, khảo sát xây dựng, văn kiện dự án (báo cáo nghiên cứu khả thi) các báo cáo thành phần, Chuẩn bị hồ sơ môi trường và đánh giá bổ sơ dự thầu...		27,303,980,867		1,213,510
11.2	<i>Tư vấn thực hiện dự án</i>		<i>15,290,229,286</i>		<i>679,566</i>
1	Khảo sát xây dựng, thiết kế chi tiết, tư vấn đấu thầu (cho 30% các hạng mục hợp phần 1 và hợp phần 2)		9,829,433,112		436,864
2	Tư vấn giám sát và đánh giá dự án		5,460,796,173		242,702
11.3	<i>Hỗ trợ kỹ thuật</i>		<i>31,000,000,000</i>	-	<i>1,377,778</i>
1	Hỗ trợ lập chiến lược phát triển chung thành phố Hải Dương		13,000,000,000	-	
2	Hỗ trợ lập chiến lược phát triển giao thông công cộng		10,000,000,000	-	
3	Hỗ trợ lập kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu		8,000,000,000	-	
11.4	<i>Chi phí Ban quản lý dự án</i>		<i>16,382,388,520</i>	-	<i>728,106</i>
1	Chi phí ban quản lý dự án		16,382,388,520		728,106
11.5	<i>Chi phí khác</i>		<i>21,843,184,694</i>	-	<i>970,808</i>

TT	Hạng mục	Thành tiền (VND)		Thành tiền (USD)	
		IBRD	Đối ứng	IBRD	Đối ứng
I	Bao gồm các chi phí như: Chi phí thẩm định, thẩm tra dự án, chi phí thẩm tra dự toán, chi phí bảo hiểm, chi phí phê duyệt, thẩm định kết quả đấu thầu.		21,843,184,694		970,808
II.6	Thuế VAT: 10% không bao gồm chi phí ban quản lý		9,543,739,485		424,166
II.7	Dự phòng phí	-	12,136,352,285		539,393
	Tổng cộng Hợp phần 2	-	133,499,875,137	-	5,933,328
III	Tổng cộng (HP1+HP2)	1,426,572,931,558	199,584,429,219	63,403,241	8,870,419
IV	Lãi và phí trong quá trình xây dựng	148,427,068,442		6,596,759	
V	Tổng chi phí đầu tư (V+VI)	1,575,000,000,000	199,584,429,219	70,000,000	8,870,419
			1,774,584,429,219		78,870,419
	Tỷ trọng	88.8%	11.2%	88.8%	11.2%

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG